

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 127/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 4 - 2019

V/v tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Loan.
2. Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Sang –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hồng T, sinh năm 1984. Trú tại: ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị Trúc T, sinh năm 1984. Trú tại: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Anh T có mặt, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Hồng T trình bày và yêu cầu: Ngày 04/5/2015, anh T ly hôn với chị T theo Quyết định số 95/2015/QĐTS-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Nay anh T yêu cầu chia tài sản chung thửa đất 399, tờ bản đồ số 23, diện tích 2.022,7m² loại đất trồng lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05343 ngày 14/10/2008 do Ủy ban

nhân dân huyện G cấp cho anh Nguyễn Hồng T và chị Trần Thị Trúc T; đất tọa lạc ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc đất do cha mẹ anh T cho và khi ly hôn anh là người trực tiếp nuôi 02 con chung, chị T không cấp dưỡng nuôi con từ đó cho đến nay nên anh T yêu cầu được hưởng phần nhiều hơn chị T, anh T đồng ý chia cho chị T 500m²; thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Trần Thị Trúc T đã được Tòa án thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng vắng mặt không có lý do, nên không thể hiện được ý kiến chị T đối với yêu cầu của anh T trong hồ sơ vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo đúng pháp luật tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ kết quả tranh tụng và các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là chia tài sản sau khi ly hôn được quy định tại Khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn chị Trần Thị Trúc T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Nguyễn Hồng T yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của anh T gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05343 ngày 14/10/2008 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp cho anh Nguyễn Hồng T và chị Trần Thị Trúc T đối với thửa đất 399, tờ bản đồ số 23, diện tích 2.022,7m²;

- Trích lục hồ sơ cấp quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Hồng T và chị Trần Thị Trúc T.

Chị Trần Thị Trúc T vắng mặt không thể hiện ý kiến trong hồ sơ vụ án, không cung cấp chứng cứ gì khác đối với chứng cứ anh T cung cấp. Hội đồng xét xử thấy, theo đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 11/11/2003 thửa đất 399, tờ bản đồ số 23, diện tích 2.022,7m² có nguồn gốc đất do cha mẹ anh T cho. Mặc khác, theo anh T trình bày tại thời điểm ly hôn anh chị tự thỏa thuận thửa đất 399 giao cho anh được quyền sử dụng và nuôi con, chị T không phải cấp dưỡng. Xét lời trình bày của anh T phù hợp, theo Quyết định số 95/2015/QĐTS-HNGĐ

ngày 04/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, về con chung có 02 con chung đang ở với anh T, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con, để phần nào tạo điều kiện cho anh T đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử thấy cần chia cho anh T 08 phần, chị T 02 phần (tương đương $1.618,32\text{m}^2/404,58\text{m}^2$); chị T vắng mặt nên không thể hiện ý kiến về nhu cầu sử dụng đất. Do đó, anh T yêu cầu chia cho chị T theo giá trị là phù hợp; anh T đồng ý chia cho chị T giá trị 500m^2 là có lợi cho chị T nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, anh T hoàn lại cho chị T giá trị 500m^2 đất là 50.000.000 đồng (anh T đồng ý tính giá thực tế theo biên bản định giá ngày 21/3/2019 là $100.000\text{đ}/\text{m}^2$), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh Nguyễn Hồng T được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quy định.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì anh T, chị T phải chịu án phí theo quy định.

[5] Xét ý kiến Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hồng T.

1. Anh Nguyễn Hồng T được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất 399, tờ bản đồ số 23, diện tích $2.022,7\text{m}^2$ (diện tích đo đạc thực tế là $2.022,9\text{m}^2$), loại đất trồng lúa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05343 ngày 14/10/2008 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho anh Nguyễn Hồng T và chị Trần Thị Trúc T (Có sơ đồ trích đo thửa đất kèm theo).

Anh Nguyễn Hồng T được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quy định.

2. Anh Nguyễn Hồng T có nghĩa vụ giao cho chị Trần Thị Trúc T số tiền 50.000.000 đồng.

Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Hồng T nộp 7.614.500đ, anh T đã nộp 3.045.400đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 39794 ngày 16/10/2018 của Chi

cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên anh T phải nộp tiếp 4.569.100 đồng.

- Chị Trần Thị Trúc T nộp 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang theo trình tự phúc thẩm, đối với đương sự vắng mặt được tính từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tám

